

**NGHỊ QUYẾT**  
**Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2021-2025**

**BAN CHẤP HÀNH HỘI CHỦ RỪNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NHIỆM KỲ 2021-2025, KỲ HỌP THỨ XIII**

*Căn cứ Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cho phép thành lập Hội Chủ rừng Phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều lệ Hội Chủ rừng Phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Biên bản Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2021-2025, họp ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đồng ý 100% ý kiến Ủy viên Ban Chấp hành (BCH) Hội thống nhất phương án kiện toàn lại Tổ thư ký như sau:

Cử ông Võ Quang Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Hội giữ chức Phó Tổng thư ký, thay bà Phạm Thị Lịch, thôi giữ chức Phó Tổng thư ký Hội để chuyên lo công việc kế toán Hội.

**Điều 2.** Đồng ý 100% ý kiến Ủy viên BCH Hội thông qua Kế hoạch duy trì và mở rộng chứng chỉ rừng trồng FSC năm 2024, diện tích mới tăng thêm 1.931 ha rừng trồng, 911 lô, với 620 hộ gia đình. Giao Văn phòng Hội hoàn tất các thủ tục đáp ứng yêu cầu, nộp cho Công ty đánh giá chính thức theo quy định đúng hạn.

*(Báo cáo kết quả đính kèm Nghị quyết này)*

**Điều 3.** BCH Hội giao cho Ban Thường vụ tổng hợp ý kiến của các Ủy viên BCH tham gia bình chọn Phương án chuẩn bị công tác Đại hội TTH-FOSDA lần thứ III, nhiệm kỳ 2026-2030. Trên cơ sở đó, chọn các phương án cụ thể theo nguyên tắc đa số để xây dựng Kế hoạch chi tiết tổ chức Đại hội nhiệm kỳ III trình BCH vào quý 1/2025 quyết định.

**Điều 4.** Biểu quyết 100% ý kiến Ủy viên BCH Hội đồng ý tiếp tục thí điểm tìm kiếm doanh nghiệp mua gỗ hợp pháp theo hướng ưu tiên cho các hội viên có



gỗ nhỏ FSC khai thác nhưng không bán được cho Công ty TNHH Hoà Nga; sau đó hỗ trợ cho các chủ rừng trồng đã khai thác gỗ được tiêu thụ gỗ hợp pháp và cam kết đăng ký tham gia chứng chỉ rừng FSC do TTH-FOSDA đại diện pháp nhân. Bảng phân phối tiền chênh lệch chi phí bán gỗ hợp pháp được các chi hội trưởng thống nhất tại cuộc họp ngày 07/7/2024 như sau:

| Trường hợp | Mức hưởng (%) |         |        |      |
|------------|---------------|---------|--------|------|
|            | Chủ rừng      | Chi hội | VP Hội | Tổng |
| Rừng FSC   | 53,85         | 7,69    | 38,46  | 100  |
| Non FSC    | 38,46         | 15,39   | 46,15  | 100  |

Thời gian áp dụng thí điểm từ ngày ban hành Nghị quyết đến hết Quý IV năm 2024.

**Điều 5.** Đồng ý 100% ý kiến Ủy viên BCH thực hiện việc thành lập mới; sáp nhập chi hội; đổi tên chi hội theo tên của xã (có danh sách cụ thể kèm theo). Giao trách nhiệm Ban Thường vụ làm việc cụ thể với UBND cấp xã sở tại để cử BCH và chi hội trưởng, kiểm tra viên lâm thời đối với các chi hội sáp nhập và chi hội mới thành lập.

**Điều 6.** Đồng ý 100% ý kiến Ủy viên BCH, tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quy chế hỗ trợ tồn thất rừng trồng nội bộ của Hội.

**Điều 7.** Tổ chức thực hiện:

- Giao trách nhiệm cho Ban Thường vụ, (Bộ phận Thường trực) tiếp thu các ý kiến của các đại biểu để bổ sung vào các giải pháp thực hiện nhằm triển khai có hiệu quả Nghị quyết.

- Giao Ban Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Văn phòng Hội và Tổ Thư ký có trách nhiệm tham mưu toàn diện việc lập kế hoạch cụ thể để triển khai tổ chức thực hiện.

- Các ủy viên BCH có trách nhiệm phổ biến Nghị quyết đến tất cả các chi hội. Nghị quyết này đã được BCH Hội Chủ rừng Phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua tại kỳ họp lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2021-2025.

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 69/NQ-TTH-FOSDA ngày 30/9/2024.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Các chi hội;
- Các ủy viên BCH;
- Ban Kiểm tra;
- Lưu VPH.

TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH  
BAN CHẤP HÀNH  
HỘI CHỦ RỪNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
Võ Văn Dự





**BAN CHẤP HÀNH  
HỘI CHỦ RỪNG PHÁT  
TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH  
THỪA THIÊN HUẾ**  
Số: 68/BC-TTH-FOSDA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

*Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 9 năm 2024*

## **BÁO CÁO**

**Kết quả duy trì và mở rộng Chứng chỉ rừng FSC® năm 2024**

### **I. Khắc phục các điểm không phù hợp (ĐKPH) nhỏ năm 2023**

#### **1. ĐKPH nhỏ 1:**

5.2.2. Căn cứ vào tính toán mức khai thác, xác định lượng gỗ được phép khai thác tối đa hàng năm không vượt quá lượng tăng trưởng.

Minh chứng khắc phục:

- Đo đếm các ô định vị để xác định tăng trưởng
- Xác định lượng khai thác tối đa

#### **2. ĐKPH nhỏ 2:**

2.3.2. Người lao động được trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Minh chứng khắc phục:

- Hợp đội khai thác và phổ biến các nội dung về an toàn lao động (Đã thực hiện tại chi hội Phú Sơn).
- Hình ảnh của thợ cưa được tặng giày, trang bị bảo hộ đầy đủ
- Công văn gửi các Chi hội về việc đảm bảo an toàn lao động trong khai thác

#### **3. ĐKPH nhỏ 3:**

8.4.1. Báo cáo giám sát các hoạt động chưa phù hợp với Phụ lục D của bộ tiêu chuẩn.

Minh chứng khắc phục:

- Thực hiện các đợt kiểm tra, giám sát
- Tổng hợp các thông tin giám sát
- Báo cáo giám sát

#### **4. ĐKPH nhỏ 4:**

1.4. TTH-FOSDA sử dụng FSC nhưng chưa có nhãn hiệu đăng ký trên website của TTH-FOSDA



Minh chứng khắc phục:

- Bổ sung thêm nhãn hiệu biểu tượng FSC® vào các hồ sơ, tài liệu.

**Kết quả:** Đã hoàn thiện các bộ hồ sơ khắc phục các ĐKPH gửi cho nhà đánh giá và đã đóng ĐKPH.

## II. Kết quả đánh giá duy trì chứng chỉ FSC năm 2024

### 1. Diện tích đăng ký mới FSC 2024

Năm 2024, mặc dù không vận động đăng ký tham gia mới CCR FSC nhưng các chủ rừng đã tự nguyện đăng ký trên 750 ha rừng trồng tham gia CCR FSC. Bên cạnh đó, TTH-FOSDA phối hợp và hỗ trợ Chi cục Kiểm lâm triển khai hoạt động chuyên môn bảo đảm đủ các điều kiện để chủ rừng tham gia CCR FSC. Tổng diện tích đã và đang hoàn thành hồ sơ là 1.931 ha/ 620 hộ/ 911 lô rừng, chi tiết theo bảng dưới đây:

| STT        | Địa bàn           | Xã/ Chi hội  | Số hộ      | Sô lô      | Diện tích     |
|------------|-------------------|--------------|------------|------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>A Lưới</b>     |              | <b>154</b> | <b>184</b> | <b>466,81</b> |
| 1          |                   | A Ngo        | 13         | 16         | 26,90         |
| 2          |                   | A Roàng      | 6          | 6          | 13,93         |
| 3          |                   | Đông Sơn     | 11         | 11         | 16,35         |
| 4          |                   | Hồng Bắc     | 16         | 16         | 43,60         |
| 5          |                   | Hồng Hạ      | 3          | 3          | 21,60         |
| 6          |                   | Hồng Thái    | 6          | 7          | 33,10         |
| 7          |                   | Hồng Thượng  | 11         | 12         | 40,62         |
| 8          |                   | Hồng Thủy    | 4          | 5          | 21,00         |
| 9          |                   | Hồng Vân     | 42         | 57         | 124,29        |
| 10         |                   | Hương Lâm    | 1          | 1          | 1,45          |
| 11         |                   | Hương Nguyên | 9          | 9          | 31,10         |
| 12         |                   | Hương Phong  | 1          | 9          | 7,00          |
| 13         |                   | Lâm Đốt      | 11         | 12         | 15,26         |
| 14         |                   | Quảng Nhâm   | 12         | 12         | 57,90         |
| 15         |                   | Sơn Thủy     | 1          | 1          | 2,00          |
| 16         |                   | Trung Sơn    | 7          | 7          | 10,71         |
| <b>II</b>  | <b>Hương Thủy</b> |              | <b>66</b>  | <b>114</b> | <b>247,29</b> |
| 1          |                   | Dương Hòa    | 11         | 18         | 51,32         |
| 2          |                   | Phú Sơn      | 42         | 63         | 117,57        |
| 3          |                   | Thủy Châu    | 8          | 20         | 45,01         |
| 4          |                   | Thủy Phương  | 5          | 13         | 33,39         |
| <b>III</b> | <b>Hương Trà</b>  |              | <b>70</b>  | <b>107</b> | <b>193,47</b> |
| 1          |                   | Bình Thành   | 18         | 30         | 69,79         |
| 2          |                   | Bình Tiến    | 13         | 20         | 37,51         |

| STT        | Địa bàn              | Xã/ Chi hội      | Số hộ      | Sô lô      | Diện tích       |
|------------|----------------------|------------------|------------|------------|-----------------|
| 3          |                      | Hương Bình       | 14         | 32         | 48,01           |
| 4          |                      | Hương Vân        | 25         | 25         | 38,16           |
| <b>IV</b>  | <b>Nam Đông</b>      |                  | <b>75</b>  | <b>113</b> | <b>122,63</b>   |
| 1          |                      | Hương Hữu        | 1          | 1          | 0,98            |
| 2          |                      | Hương Phú        | 7          | 10         | 10,60           |
| 3          |                      | Hương Sơn        | 4          | 6          | 14,91           |
| 4          |                      | Thượng Lộ        | 20         | 25         | 25,30           |
| 5          |                      | Thượng Long      | 13         | 14         | 11,55           |
| 6          |                      | Thượng Nhật      | 8          | 13         | 18,63           |
| 7          |                      | Thượng Quảng     | 22         | 44         | 40,66           |
| <b>V</b>   | <b>Phong Điền</b>    |                  | <b>182</b> | <b>269</b> | <b>518,85</b>   |
| 1          |                      | Phong An         | 7          | 7          | 5,41            |
| 2          |                      | Phong Mỹ         | 58         | 95         | 228,71          |
| 3          |                      | Phong Sơn        | 9          | 25         | 115,35          |
| 4          |                      | Phong Thu        | 18         | 30         | 53,77           |
| 5          |                      | Phong Xuân       | 90         | 112        | 115,61          |
| <b>VI</b>  | <b>Phú Lộc</b>       |                  | <b>69</b>  | <b>115</b> | <b>364,46</b>   |
| 1          |                      | Lộc Bồn          | 10         | 16         | 92,06           |
| 2          |                      | Lộc Hòa          | 30         | 63         | 84,89           |
| 3          |                      | Thị trấn Phú Lộc | 2          | 6          | 15,14           |
| 4          |                      | TT Lăng Cô       | 3          | 3          | 14,00           |
| 5          |                      | Xã Lộc Bình      | 1          | 1          | 7,00            |
| 6          |                      | Xã Lộc Thủy      | 4          | 4          | 22,23           |
| 7          |                      | Xã Lộc Tiến      | 7          | 7          | 32,10           |
| 8          |                      | Xã Lộc Trì       | 3          | 3          | 32,00           |
| 9          |                      | Xuân Lộc         | 9          | 12         | 65,04           |
| <b>VII</b> | <b>Thành phố Huế</b> |                  | <b>4</b>   | <b>9</b>   | <b>17,73</b>    |
| 1          |                      | Hương Thọ        | 4          | 9          | 17,73           |
|            | <b>Tổng cộng</b>     |                  | <b>620</b> | <b>911</b> | <b>1.931,23</b> |

## 2. Khảo sát thực địa kết hợp đánh giá nội bộ

Năm 2024, TTH-FOSDA cùng với các Chi hội trực thuộc đã phối hợp chặt chẽ với Chi cục Kiểm lâm, UBND các xã đã triển khai hoạt động khảo sát thực địa đánh kết hợp với đánh giá nội bộ với hơn 220 lô rừng được khảo sát thực địa tại 42 xã/ phường các huyện/thị xã/ thành phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đánh giá nội bộ năm nay, TTH-FOSDA tập trung kiểm tra kế hoạch quản lý lô rừng của Hội viên và kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ chủ rừng đã lập với bản đồ cập nhật diễn biến rừng. Đồng thời, kiểm tra các lô rừng có vùng đệm ven khe suối, các



lô rừng tiếp giáp với rừng tự nhiên để bảo đảm không thuộc diện trực tiếp phá rừng/lấn chiếm rừng tự nhiên sau năm 1994.

Nhìn chung, các chủ rừng ý thức được việc phát triển rừng bền vững gắn với các tiêu chí môi trường - kinh tế - xã hội, không phát hiện tình trạng phá/ lấn chiếm đất rừng tự nhiên sau năm 1994. Tuy nhiên, đã ghi nhận một số điểm tồn tại cần khắc phục như việc lô rừng có nhiều hiện trạng cấp tuổi, rác thải trong lô rừng, ranh giới các lô rừng chưa rõ ràng, một số ít lô rừng vẫn còn tình trạng đốt thực bì trước khi trồng.

### III. Kiến nghị, đề xuất

Nhằm đảm bảo cho công tác đánh giá chính thức năm 2024 sẽ diễn ra vào đầu tháng 11/2024, các Cán bộ hiện trường cùng với BCH các Chi hội phải phối hợp chặt chẽ với Hạt Kiểm lâm các huyện và cán bộ Công ty SP để kiểm tra, rà soát thông tin, tiếp tục đo đạc thực địa đối với những lô rừng chưa có bản đồ, kiểm tra ranh giới để hoàn thiện các hồ sơ chủ rừng, chi hội và bản đồ.

Đề nghị cán bộ TTH-FOSDA tiếp tục rà soát và hoàn thiện các hồ sơ để gửi cho nhà đánh giá đúng hạn và phục vụ tốt cho công tác đánh giá chính thức.

#### Nơi nhận:

- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Hạt Kiểm lâm các huyện/ thị xã/ thành phố;
- Các UV BCH;
- Các Chi hội trực thuộc;
- Các ủy viên BTV;
- Ban Kiểm tra;
- Cán bộ Công ty SP;
- Website Hội;
- Lưu: VP, BKT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đình Văn

| ĐỔI TÊN, SÁP NHẬP VÀ THÀNH LẬP MỚI CÁC CHI HỘI<br>ĐƯỢC HỘI NGHỊ BCH LẦN THỨ XIII ĐỒNG Ý |                                        |                               |                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
| TT                                                                                      | Tên chi hội hiện tại                   | Tên đổi lại/giữ<br>nguyên/mới | Ghi chú                                 |
| <b>I</b>                                                                                | <b>Các chi hội giữ nguyên</b>          |                               |                                         |
| <b>A</b>                                                                                | <b>Huyện Phong Điền</b>                |                               |                                         |
| 1                                                                                       | Phong An                               |                               |                                         |
| 2                                                                                       | Phong Xuân                             |                               |                                         |
| 3                                                                                       | Phong Thu                              |                               |                                         |
| <b>B</b>                                                                                | <b>Thị xã Hương<br/>Thủy+Hương Trà</b> |                               |                                         |
| 4                                                                                       | Thủy Phù                               |                               |                                         |
| 5                                                                                       | Khe Dâu                                | BQLRPH Hương Thủy             |                                         |
| 6                                                                                       | Sông Hương                             | BQLRPH Sông Hương             |                                         |
| 7                                                                                       | Hương Bình                             |                               |                                         |
| <b>C</b>                                                                                | <b>Huyện Phú Lộc</b>                   |                               |                                         |
| 8                                                                                       | Lộc Tiến-Lăng Cô                       |                               |                                         |
| 9                                                                                       | Xuân Lộc                               |                               |                                         |
| 10                                                                                      | Lộc Hòa                                |                               |                                         |
| 11                                                                                      | Lộc Trì                                |                               | Bao gồm Lộc Bình và<br>thị trấn Phú Lộc |
| <b>D</b>                                                                                | <b>Huyện A Lưới</b>                    |                               |                                         |
| 12                                                                                      | Hồng Vân                               |                               | Gồm cả Hồng Thủy                        |
| 13                                                                                      | A Roàng                                | A Roàng                       |                                         |
| 14                                                                                      | Hương Phong                            | Hương Phong                   |                                         |
| 15                                                                                      | Hồng Thượng                            | Hồng Thượng                   |                                         |
| 16                                                                                      | Hồng Hạ                                | Hồng Hạ                       |                                         |
| <b>Đ</b>                                                                                | <b>Huyện Nam Đông</b>                  |                               |                                         |
| 17                                                                                      | Hương Phú                              | Gồm Hương Lộc                 |                                         |
| 18                                                                                      | Thượng Lộ                              |                               |                                         |
| <b>II</b>                                                                               | <b>Các chi hội nhập lại</b>            |                               |                                         |
| 19                                                                                      | Tân Mỹ+ Lưu Hiền Hòa                   | Phong Mỹ                      |                                         |
| 20                                                                                      | Đông Hòa+ Hồng Tiến-BT                 | Bình Tiến                     |                                         |
| 21                                                                                      | TL.Hộ+ Hạ Buồng Tầm                    | Dương Hòa                     |                                         |
| 22                                                                                      | Phú Sơn+ LN Phú Sơn                    | Phú Sơn                       |                                         |
| 23                                                                                      | Thủy Phương+ Thủy Châu                 | Thủy Phương                   |                                         |
| 24                                                                                      | Liên Bằng + Kim Ngọc                   | Hương Thọ                     |                                         |

|                                     |                                  |             |                                     |
|-------------------------------------|----------------------------------|-------------|-------------------------------------|
| <b>III</b>                          | <b>Các chi hội đổi tên</b>       |             |                                     |
| 25                                  | Cổ Bi 3 Phe Tư                   | Phong Sơn   |                                     |
| 26                                  | Hiệp Cát                         | Bình Thành  |                                     |
| 27                                  | Châm                             | Hương Hồ    |                                     |
| 28                                  | Sông Bồ                          | Hương Vân   |                                     |
| 29                                  | Hòa Lộc                          | Lộc Bồn     |                                     |
| 30                                  | Cha Măng-Ka Đầu                  | Thượng Nhật | Gồm cả xã Hương Hữu và xã Hương Sơn |
| 31                                  | Nam Sơn                          | Lộc Sơn     |                                     |
| 32                                  | Hương Lâm                        | Lâm Đốt     |                                     |
| 33                                  | A So-Đông Sơn                    | Đông Sơn    |                                     |
| 34                                  | Suối Tiên                        | Lộc Thủy    |                                     |
| 35                                  | Lê Triêng 1                      | Trung Sơn   |                                     |
| <b>IV</b>                           | <b>Các chi hội thành lập mới</b> |             |                                     |
| 36                                  | Quảng Nhâm                       |             | Gồm cả xã Hồng Thái                 |
| 37                                  | A Ngo                            |             | Gồm cả xã Sơn Thủy                  |
| 38                                  | Hồng Bắc                         |             |                                     |
| 39                                  | Thượng Long                      |             |                                     |
| 40                                  | Thượng Quảng                     |             |                                     |
| <b>Tổng số toàn tỉnh 40 chi hội</b> |                                  |             |                                     |